

Số: 59 /QĐ-UBND

Quảng Nghiệp, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán ngân sách xã năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NGHIỆP

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội khóa
13 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ vào Quyết định số: 15274/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự
toán thu, chi Ngân sách xã, thị trấn năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết họp Hội đồng nhân dân xã số 22/NQ-HĐND xã khoá
XXI nhiệm kỳ (2021-2026) họp ngày 27 tháng 12 năm 2021 về kết quả thực hiện
nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2021, dự toán thu chi ngân sách năm 2022;*

Theo đề nghị của ông cán bộ Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt dự toán ngân sách năm 2022 là: 4.741.000.000 đồng
Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn.

Điều 2: Giao cho cán bộ Tài chính - Kế toán xây dựng kế hoạch thực
hiện, thanh quyết toán ngân sách theo Luật hiện hành.

Điều 3: Ông cán bộ Tài chính - Kế toán, Văn phòng - Thống kê, các ban
ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH ; KBNN huyện
- BTV đảng ủy - TTHĐND - LĐ UBND xã;
- Chủ tịch UBMTTQ xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CH ☐ T ☐ CH

Vũ Chí Mạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	17.941.000	TỔNG SỐ CHI	17.941.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	150.000	I. Chi đầu tư phát triển	13.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	1.112.000	II. Chi thường xuyên	4.316.000
III. Thu bổ sung	11.679.000	III. Dự phòng	125.000
- Bổ sung cân đối	3.879.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.800.000		
IV. Thu chuyển nguồn	5.000.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	85.145.622	38.326.086	21.953.000	17.941.000	25,8%	46,8%
I	Các khoản thu 100%	317.624	317.624	150.000	150.000	47,2%	47,2%
	Phí, lệ phí	10.381	10.381	10.000	10.000	96,3%	96,3%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	193.776	193.776	75.000	75.000	38,7%	38,7%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	34.650	34.650	65.000	65.000	187,6%	187,6%
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	78.817	78.817				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	67.362.195	20.542.659	5.124.000	1.112.000	7,6%	5,4%
1	Các khoản thu phân chia	393.126	393.126	64.000	64.000	16,3%	16,3%

	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.864	11.864	10.000	10.000	84,3%	84,3%
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.300	9.300	9.000	9.000	96,8%	96,8%
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	371.962	371.962	45.000	45.000	12,1%	12,1%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	66.969.069	20.149.533	5.060.000	1.048.000	7,6%	5,2%
	- Thuế giá trị gia tăng	80.771	64.617	40.000	32.000	49,5%	49,5%
	- Thu tiền sử dụng đất	66.864.143	20.065.592	5.000.000	1.000.000	7,5%	5,0%
	- Thuế thu nhập cá nhân	24.155	19.324	20.000	16.000	82,8%	82,8%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	1.914.444	1.914.444	5.000.000	5.000.000	261,2%	261,2%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	20.660	20.660				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15.530.699	15.530.699	11.679.000	11.679.000	75,2%	75,2%
	- Thu bổ sung cân đối	3.765.213	3.765.213	3.879.000	3.879.000	103,0%	103,0%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	11.765.486	11.765.486	7.800.000	7.800.000	66,3%	66,3%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	4	5	6	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	17.147.213	13.554.000	3.593.213	17.941.000	13.500.000	4.441.000	104,6%	99,6%	123,6%
	Trong đó	0			0					
1	Chi giáo dục	4.685.131	4.685.131		4.434.217	4.422.217	12.000	94,6%	94,4%	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	0			2.312.000	2.300.000	12.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	4.000		4.000	6.000		6.000	150,0%		150,0%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	51.055		51.055	347.316		347.316	680,3%		680,3%
6	Chi thể dục thể thao	29.000		29.000	33.000		33.000	113,8%		113,8%
7	Chi bảo vệ môi trường	10.000		10.000	20.000		20.000	200,0%		200,0%
8	Chi các hoạt động kinh tế	7.611.216	7.586.216	25.000	5.313.783	5.277.783	36.000			
9	Chi hoạt động quản lý NN, Đảng, đoàn th	3.447.363	282.653	3.164.710	4.065.684	500.000	3.565.684	117,9%	176,9%	112,7%
10	Chi cho công tác xã hội	1.256.448	1.000.000	256.448	1.284.000	1.000.000	284.000	102,2%		110,7%
11	Chi khác	0			0					
12	Dự phòng ngân sách	53.000		53.000	125.000		125.000	235,8%		235,8%

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		53.107.095	0	44.663.099	25.995.266	13.500.000	9.200.000	0	0
Thanh toán các công trình hoàn thành đến 31/12/2021		42.514.847	0	34.070.851	25.995.266	9.200.000	9.200.000	0	0
Sửa chữa nhà lớp học 2T8P trường Mầm non	6/2019-9/2019	603.131		603.131	498.000	105.131	105.131		
Cải tạo, nâng cấp đường làng nghề thôn Kiêm tá	6/2020-9/2020	3.750.000		3.277.783	3.000.000	277.783	277.783		
Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã.	6/2020-7/2021	5.482.696		5.109.110	3.512.035	1.000.000	1.000.000		
Nhà hiệu bộ, phòng học (móng 3T) trường TH	4/2020-12/2020	5.152.907		4.564.464	3.486.231	1.000.000	1.000.000		
Nâng tầng 3 Nhà hiệu bộ, phòng học trường TH	10/2020-2/2021	1.652.687		1.566.670	1.000.000	566.670	566.670		
Cải tạo sân, rãnh nước, tường bao trường tiểu họ	12/2020-2/2021	971.001		886.735	700.000	186.735	186.735		
Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Mầm non	11/2020-9/2021	7.495.712		7.132.872	5.369.000	1.100.000	1.100.000		
Sửa chữa nhà lớp học 2T8P trường MN	9/2021-12/2021	956.855		911.290	700.000	238.870	238.870		
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Trạm y tế đ	6/2021-9/2021	3.370.544		3.340.156	2.500.000	523.540	523.540		
Sửa chữa nhà lớp học 3T12 phòng trường TH	8/2021-11/2021	1.083.574		1.031.271	830.000	201.271	201.271		
7 Tuyến đường nội đồng	10/2021-3/2022	5.138.538		2.174.121	1.500.000	1.500.000	1.500.000		
Cải tạo đường GT thôn Ngái đoạn từ nhà ông Đ	12/2021-4/2022	3.980.983		1.678.803	1.400.000	1.500.000	1.500.000		

Cải tạo đường trục xã đoạn khu dân cư mới thôn	12/2021-4/2022	2.876.219		1.794.445	1.500.000	1.000.000	1.000.000		
Công trình khởi công năm 2022		10.592.248	0	10.592.248	0	4.300.000	0	0	
4 Tuyến đường nội đồng	9/2022-12/2022	4.253.240		4.253.240		1.000.000			
Xây mới tường rào, cổng trạm y tế xã Quảng Ngãi	2/2022-4/2022	562.267		562.267		300.000			
Nhà làm việc 2 tầng trạm y tế xã	5/2022-12/2022	3.407.144		3.407.144		2.000.000			
Cải tạo, nâng cấp lán xe, trường Tiểu học	6/2022-9/2022	500.000		500.000		500.000			
Xây dựng khu thương mại dịch vụ khu trung tâm	6/2022-5/2022	1.000.000		1.000.000					
Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường 260 chỗ ngồi U	2/2022-5/2022	869.597		869.597		500.000			

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	84.000	84.000	0	98.400	0	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
-						
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp	84.000	84.000	0	98.400	0	0
+ Chợ	48.000	48.000		62.400		
+ Cột phát sóng	36.000	36.000		36.000		
+						
+ ...						
...						

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	17.941.000	TỔNG SỐ CHI	17.941.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	150.000	I. Chi đầu tư phát triển	13.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	1.112.000	II. Chi thường xuyên	4.316.000
III. Thu bổ sung	11.679.000	III. Dự phòng	125.000
- Bổ sung cân đối	3.879.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.800.000		
IV. Thu chuyển nguồn	5.000.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	16.963.000	17.941.000
I	Các khoản thu 100%	160.000	150.000
	Phí, lệ phí	30.000	10.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	65.000	75.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	65.000	65.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.124.000	1.112.000
1	Các khoản thu phân chia	64.000	64.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.000	9.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	45.000	45.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.060.000	1.048.000
	- Thuế giá trị gia tăng	40.000	32.000
	- Thu tiền sử dụng đất	5.000.000	1.000.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	20.000	16.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		5.000.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.679.000	11.679.000
	- Thu bổ sung cân đối	3.879.000	3.879.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7.800.000	7.800.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2021		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	17.941.000	13.500.000	4.441.000
	Trong đó	0		
1	Chi giáo dục	4.434.217	4.422.217	12.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	2.312.000	2.300.000	12.000
4	Chi văn hóa, thông tin	6.000		6.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	347.316		347.316
6	Chi thể dục thể thao	33.000		33.000
7	Chi bảo vệ môi trường	20.000		20.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.313.783	5.277.783	36.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đản	4.065.684	500.000	3.565.684
10	Chi cho công tác xã hội	1.284.000	1.000.000	284.000
11	Chi khác	0		
12	Dự phòng ngân sách	125.000		125.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		53.107.095	0	44.663.099	25.995.266	13.500.000	9.200.000	0	
Thanh toán các công trình hoàn thành đến 31/12/2021		42.514.847	0	34.070.851	25.995.266	9.200.000	9.200.000	0	
Sửa chữa nhà lớp học 2T8P trường Mầm non	6/2019-9/2019	603.131		603.131	498.000	105.131	105.131		
Cải tạo, nâng cấp đường làng nghề thôn Kiềm tân	6/2020-9/2020	3.750.000		3.277.783	3.000.000	277.783	277.783		
Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã.	6/2020-7/2021	5.482.696		5.109.110	3.512.035	1.000.000	1.000.000		
Nhà hiệu bộ, phòng học (móng 3T) trường TH	4/2020-12/2020	5.152.907		4.564.464	3.486.231	1.000.000	1.000.000		
Nâng tầng 3 Nhà hiệu bộ, phòng học trường TH	10/2020-2/2021	1.652.687		1.566.670	1.000.000	566.670	566.670		
Cải tạo sân, rãnh nước, tường bao trường tiểu học	12/2020-2/2021	971.001		886.735	700.000	186.735	186.735		
Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Mầm non	11/2020-9/2021	7.495.712		7.132.872	5.369.000	1.100.000	1.100.000		
Sửa chữa nhà lớp học 2T8P trường MN	9/2021-12/2021	956.855		911.290	700.000	238.870	238.870		
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Trạm y tế đến	6/2021-9/2021	3.370.544		3.340.156	2.500.000	523.540	523.540		
Sửa chữa nhà lớp học 3T12 phòng trường TH	8/2021-11/2021	1.083.574		1.031.271	830.000	201.271	201.271		
7 Tuyến đường nội đồng	10/2021-3/2022	5.138.538		2.174.121	1.500.000	1.500.000	1.500.000		
Cải tạo đường GT thôn Ngái đoạn từ nhà ông Định	12/2021-4/2022	3.980.983		1.678.803	1.400.000	1.500.000	1.500.000		
Cải tạo đường trục xã đoạn khu dân cư mới thôn C	12/2021-4/2022	2.876.219		1.794.445	1.500.000	1.000.000	1.000.000		
Công trình khởi công năm 2022		10.592.248	0	10.592.248	0	4.300.000	0	0	
4 Tuyến đường nội đồng	9/2022-12/2022	4.253.240		4.253.240		1.000.000			

Xây mới tường rào, cổng trạm y tế xã Quảng Nghi	2/2022-4/2022	562.267		562.267		300.000			
Nhà làm việc 2 tầng trạm y tế xã	5/2022-12/2022	3.407.144		3.407.144		2.000.000			
Cải tạo, nâng cấp lán xe, trường Tiểu học	6/2022-9/2022	500.000		500.000		500.000			
Xây dựng khu thương mại dịch vụ khu trung tâm	6/2022-5/2022	1.000.000		1.000.000					
Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường 260 chỗ ngồi UBND xã	2/2022-5/2022	869.597		869.597		500.000			

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	84.000	84.000	0	98.400	0	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
-						
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp	84.000	84.000	0	98.400	0	0
+ Chợ	48.000	48.000		62.400		
+ Cột phát sóng	36.000	36.000		36.000		
+						
+ ...						
...						